

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITDLầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	05 - 44
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ ITD (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mai Hoài An	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Võ Xuân Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Nguyễn Ngọc Trung	Thành viên	
Ông Đinh Thế Hiển	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Trung	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/11/2025
Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/07/2025

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2025 ngày 26/06/2025, Công ty đã được thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty từ Ban kiểm soát chuyển sang Ủy ban kiểm toán.

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Đinh Thế Hiển	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/07/2025
Ông Võ Xuân Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/07/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là Ông Mai Hoài An – Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Ngọc Trung - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Trung

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

Số: 261125.002/BCTC.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ ITD được lập ngày 26 tháng 11 năm 2025, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ ITD tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Chí nhánh Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC

Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2025	01/04/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		387.133.590.140	544.380.964.464
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	56.630.280.334	63.047.052.084
111	1. Tiền		21.688.457.434	25.275.906.250
112	2. Các khoản tương đương tiền		34.941.822.900	37.771.145.834
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	24.443.691.370	31.360.032.014
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		24.443.691.370	31.360.032.014
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		229.130.000.427	397.564.448.859
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	274.534.352.356	440.397.519.521
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	32.493.424.463	37.054.814.488
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	60.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	07	7.668.207.681	7.577.860.155
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(85.565.984.073)	(87.525.745.305)
140	IV. Hàng tồn kho	09	67.820.070.357	46.258.138.347
141	1. Hàng tồn kho		85.597.463.218	65.206.786.026
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(17.777.392.861)	(18.948.647.679)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.109.547.652	6.151.293.160
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.196.904.737	690.653.777
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.801.236.081	5.351.405.113
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	111.406.834	109.234.270
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		131.620.718.399	137.503.692.625
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.545.188.434	1.436.655.200
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	1.545.188.434	1.436.655.200
220	II. Tài sản cố định		65.832.675.213	67.795.024.557
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	52.136.247.882	53.524.948.928
222	- Nguyên giá		106.457.253.180	108.136.709.990
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(54.321.005.298)	(54.611.761.062)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	13.696.427.331	14.270.075.629
228	- Nguyên giá		26.560.014.506	26.496.014.506
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.863.587.175)	(12.225.938.877)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		230.500.000	230.200.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230.500.000	230.200.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	1.662.581.627	1.662.581.627
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.562.581.627	1.562.581.627
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.367.100.000	7.367.100.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(7.367.100.000)	(7.367.100.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		100.000.000	100.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		62.349.773.125	66.379.231.241
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.091.206.167	1.966.487.718
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34	135.238.118	142.978.211
269	3. Lợi thế thương mại	14	60.123.328.840	64.269.765.312
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		518.754.308.539	681.884.657.089

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD
 Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân
 Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2025	01/04/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		108.216.688.015	272.241.766.116
310	I. Nợ ngắn hạn		98.321.873.196	262.432.529.694
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	21.775.065.578	46.054.889.853
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	15.497.702.678	20.399.435.892
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	5.764.906.474	15.125.107.569
314	4. Phải trả người lao động		6.873.923.105	18.759.646.449
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	2.462.967.070	6.432.780.488
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	99.225.000	31.500.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	5.167.165.475	4.077.087.032
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	33.606.003.684	143.990.891.499
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	3.047.176.570	2.792.948.893
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.027.737.562	4.768.242.019
330	II. Nợ dài hạn		9.894.814.819	9.809.236.422
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	195.200.000	195.200.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34	4.077.400.000	3.880.920.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	22	5.622.214.819	5.733.116.422
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		410.537.620.524	409.642.890.973
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	410.537.620.524	409.642.890.973
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		262.449.950.000	245.335.910.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		262.449.950.000	245.335.910.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		4.100.100.000	4.100.100.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(721.880.000)	(721.880.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.164.168.530	54.017.663.634
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		32.923.824.288	8.850.004.569
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		4.240.344.242	45.167.659.065
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		107.545.281.994	106.911.097.339
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		518.754.308.539	681.884.657.089

Người lập

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

Tổng Giám đốc

Vũ Thị Nữ

Nguyễn Minh Hoàn

Nguyễn Ngọc Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITDLầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân
Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	240.881.490.978	186.391.474.260
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		240.881.490.978	186.391.474.260
11	4. Giá vốn hàng bán	26	164.868.039.375	136.205.311.067
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		76.013.451.603	50.186.163.193
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	2.146.002.137	2.280.295.866
22	7. Chi phí tài chính	28	2.442.135.796	2.607.093.184
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.598.001.293	1.093.116.617
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	(447.429.240)
25	9. Chi phí bán hàng	29	25.073.239.088	20.657.733.989
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	30.083.518.606	22.177.902.088
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.560.560.250	6.576.300.558
31	12. Thu nhập khác	31	1.221.398.609	849.057.543
32	13. Chi phí khác	32	267.212.897	360.563.539
40	14. Lợi nhuận khác		954.185.712	488.494.004
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.514.745.962	7.064.794.562
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	4.217.938.603	3.160.773.130
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34	285.340.093	(379.921.407)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		17.011.467.266	4.283.942.839
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		4.240.344.242	(2.437.371.690)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		12.771.123.024	6.721.314.529
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	162	(93)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vũ Thị Nữ

Nguyễn Minh Hoàn



Nguyễn Ngọc Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITDLầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân
Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
			VND	VND
01	1. Lợi nhuận trước thuế		21.514.745.962	7.064.794.562
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.613.765.271	7.665.839.455
03	Các khoản dự phòng		(3.393.289.976)	(4.111.002.869)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		7.249.008	(271.325.227)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.172.574.936)	(758.464.894)
06	Chi phí lãi vay		1.598.001.293	1.093.116.617
07	Các khoản điều chỉnh khác		-	49.947.961
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		25.167.896.622	10.732.905.605
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		168.585.502.423	7.803.101.711
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(20.390.677.192)	(137.765.599.873)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(46.114.366.238)	59.828.951.988
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.630.969.409)	(286.578.729)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.900.949.727)	(1.088.500.179)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.995.414.341)	(2.160.780.225)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	422.167.972
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.491.817.344)	(52.217.037)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		111.229.204.794	(62.566.548.767)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.551.359.372)	(2.777.619.120)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		982.552.645	7.545.455
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.488.691.370)	(27.600.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		16.465.032.014	81.518.645.789
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.432.793.490	2.693.122.216
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		7.840.327.407	53.841.694.340

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2025	Từ 01/04/2024
			đến 30/09/2025	đến 30/09/2024
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(7.417.915.500)	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		80.381.847.352	53.916.352.244
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(190.766.735.167)	(88.289.958.183)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.893.535.665)	(15.144.519.906)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(125.496.338.980)	(49.518.125.845)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.426.806.779)	(58.242.980.272)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		63.047.052.084	122.643.933.023
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		10.035.029	(150.842.745)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	56.630.280.334	64.250.110.006

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Nữ



Nguyễn Minh Hoàn



Nguyễn Ngọc Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 262.449.950.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30/09/2025 là 262.449.950.000 VND; tương đương 26.244.995 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 là: 405 người (tại ngày 01 tháng 04 năm 2025 là: 418 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ và lắp đặt.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Lắp trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này tăng 54,49 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ tăng 29,23%) và giá vốn hàng bán kỳ này tăng 28,66 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ tăng 21,04%), dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này tăng 25,83 VND (tương ứng tỷ lệ tăng 51,46%) so với kỳ trước. Nguyên nhân chủ yếu là do kỳ này Công ty con (Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu) thực hiện các gói thầu có giá trị lớn và đã nghiệm thu quyết toán hoàn thành theo các hợp đồng cung cấp vật tư, thiết bị và triển khai thi công lắp đặt các hệ thống thuộc các dự án do Tổng Công ty Mạng lưới Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, Ban Quản lý Dự án ODA - Đại học Đà Nẵng... làm chủ đầu tư.

Tại các công ty con, do tình hình kinh doanh khởi sắc và hoàn thành các dự án kể trên Công ty con quyết định tăng lương nhân viên dẫn đến chi phí nhân công cũng được tăng đáng kể. Do đó chi phí quản lý kỳ này tăng 7,91 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ tăng 35,65%); chi phí bán hàng kỳ này tăng 4,42 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ tăng 21,37%).

Tổng hòa các nguyên nhân trên làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 14,45 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ tăng 204,53%) so với cùng kỳ năm trước.

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ ITD	TP. Hà Nội	Văn phòng đại diện

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 30/09/2025 bao gồm:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con trực tiếp				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	TP. Hồ Chí Minh	99,64%	99,64%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng.
Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	TP. Hồ Chí Minh	99,70%	99,70%	Mua bán camera giám sát, báo trộm, âm thanh thông báo, thiết bị đo lường công nghiệp, dân dụng; Mua bán thiết bị điện, điện tử.
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	TP. Hồ Chí Minh	78,21%	78,21%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng.
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	TP. Hồ Chí Minh	50,02%	53,24%	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông; Cho thuê trạm BTS.
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất phần mềm tin học.
Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Sản xuất phần mềm tin học.
Công ty Cổ phần ITD Global	TP. Hồ Chí Minh	98,00%	98,00%	Sản xuất phần mềm tin học.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con gián tiếp Công ty Cổ phần In No	TP. Hồ Chí Minh	50,00%	99,96%	Buôn bán thiết bị linh kiện điện tử, viễn thông.
Công ty TNHH Global - Sitem	TP. Hồ Chí Minh	31,89%	63,75%	Sản xuất phần mềm tin học.
Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion	TP. Hồ Chí Minh	29,67%	58,17%	Sản xuất phần mềm tin học.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 năm sau.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025.

Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính các khoản dự phòng phải trả;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó, Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 06 năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất	31 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 06 tháng đến 03 năm.
- Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 05 năm.

2.15. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thi công công trình... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với sổ chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa sổ trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa không quá 5% doanh thu. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên dữ liệu về chi phí bảo hành trong những kỳ trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng.

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2.20. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước về phí bảo trì.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.21. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.22. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Việc trích trước chi phí đề tạm tính hoạt động mua bán, cung cấp dịch vụ viễn thông tin học và hạ tầng giao thông nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán được phê duyệt, đã phát sinh thực tế nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí đề tạm tính giá vốn hàng bán cho phần hàng hóa, dịch vụ đã hoàn thành trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa đã bán, dịch vụ đã hoàn thành.

2.24. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Chính sách ưu đãi thuế

Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion - Công ty con gián tiếp của Công ty đang được hưởng các chính sách ưu đãi thuế sau:

Văn bản	Tóm tắt các ưu đãi thuế	Thời hạn hiệu lực
Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013	Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với hoạt động đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất phần mềm theo mức thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế.	Đến hết năm 2032
Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015	Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế.	Miễn thuế đến hết năm 2021 và giảm 50% số thuế phải nộp đến hết năm 2030

d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Ngoại trừ công ty con - Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion được hưởng ưu đãi thuế nêu trên, các công ty con còn lại hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025.

2.26. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.27. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp Phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28. Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, lắp đặt và cung cấp dịch vụ phần mềm và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
Tiền mặt	263.143.697	914.765.730
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.425.313.737	24.361.140.520
Các khoản tương đương tiền ^(*)	34.941.822.900	37.771.145.834
	56.630.280.334	63.047.052.084

^(*) Tại ngày 30/09/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 34.941.822.900 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,6%/năm đến 4,1%/năm.

Trong đó, một số khoản tương đương tiền đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (xem chi tiết tại thuyết minh số 20).

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	24.443.691.370	-	31.360.032.014	-
Đầu tư dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽²⁾	100.000.000	-	100.000.000	-
	24.543.691.370	-	31.460.032.014	-

⁽¹⁾ Tại ngày 30/09/2025, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng và có giá trị 24.443.691.370 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9%/năm đến 5,1%/năm.

⁽²⁾ Tại ngày 30/09/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng có giá trị 100.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam với lãi suất 4,4%/năm.

Trong đó, một số khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (xem chi tiết tại thuyết minh số 20).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	30/09/2025			01/04/2025		
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
- Công ty Cổ phần Intelnet (*)	TP. Hồ Chí Minh	45,42%	45,42%	VND 1.562.581.627	45,42%	45,42%
				<u>1.562.581.627</u>		<u>1.562.581.627</u>

(*) Công ty Cổ phần Intelnet tạm ngừng hoạt động theo giấy xác nhận về việc doanh nghiệp thông báo tạm ngừng kinh doanh ngày 21/07/2025.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh 41.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2025			01/04/2025		
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng	
- Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	VND 7.367.100.000	(7.367.100.000)		VND 7.367.100.000	(7.367.100.000)	
	<u>7.367.100.000</u>	<u>(7.367.100.000)</u>		<u>7.367.100.000</u>	<u>(7.367.100.000)</u>	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về đơn vị đầu tư khác của Công ty vào ngày 30/09/2025 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.
Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	TP. Hà Nội	2%	2%		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	-	-	2.820.000	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	-	-	2.820.000	-
Bên khác	274.534.352.356	(84.408.993.737)	440.394.699.521	(86.774.354.969)
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel Group)	92.297.260.550	-	220.298.528.696	-
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	64.604.233.427	(64.604.233.427)	66.782.737.696	(65.737.148.599)
- Công ty Cổ phần Kho cảng Cái Mép	20.544.723.151	-	25.425.826.092	-
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	11.038.383.336	-	-	-
- Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam - Công ty Cổ phần	7.798.755.602	-	32.771.674.066	-
- Công ty Cổ phần Hawee Sản xuất và Thương mại	5.386.691.804	-	-	-
- Công ty TNHH Giáo dục Ngôi Sao	3.092.882.671	(3.092.882.671)	3.092.882.671	(3.092.882.671)
- Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.721.094.257	-	5.502.915.540	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	1.379.845.809	-	3.453.062.438	-
- Công ty Cổ Phần Tập đoàn Trí Nam	1.129.634.489	-	2.731.944.469	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng 194	1.120.802.094	-	3.540.629.149	-
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	-	-	6.785.208.676	-
- Công ty Cổ phần Hawee Cơ điện	-	-	6.600.310.950	-
- Movitel, S.A	-	-	5.404.052.544	-
- Trung tâm Mạng lưới Mobifone Miền Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	-	-	2.994.412.800	-
- Các đối tượng khác	64.420.045.166	(16.711.877.639)	55.010.513.734	(17.944.323.699)
	274.534.352.356	(84.408.993.737)	440.397.519.521	(86.774.354.969)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tích hợp Sao Nam	16.978.599.794	-	18.447.998.940	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sản xuất Thương mại Tấn Dũng	3.363.509.389	-	5.948.268.950	-
- Sky Network Technology Inc	2.243.571.910	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quốc Việt	647.442.686	(647.442.686)	647.442.686	(647.442.686)
- Hansway Co., Ltd	-	-	3.323.419.090	-
- Công ty TNHH Tuyết Nga	-	-	1.191.190.000	-
- Trading and Solution Consulting Inc	-	-	1.082.309.280	-
- Trường Cao đẳng Đường sắt	-	-	742.153.927	-
- Các đối tượng khác	9.260.300.684	(93.947.650)	5.672.031.615	(93.947.650)
	32.493.424.463	(741.390.336)	37.054.814.488	(741.390.336)

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	413.825.336	-	610.516.618	-
- Phải thu về tạm ứng	1.810.151.693	-	2.358.671.832	-
- Ký cược, ký quỹ	638.468.543	-	737.014.723	-
- Phải thu về chi phí quản lý	4.273.613.912	-	2.959.443.772	-
- Phải thu phí chia sẻ tiện ích	405.600.000	(405.600.000)	405.600.000	(405.600.000)
- Phải thu người lao động	-	-	175.728.659	-
- Khác	126.548.197	(10.000.000)	330.884.551	(10.000.000)
	7.668.207.681	(415.600.000)	7.577.860.155	(415.600.000)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	1.545.188.434	-	1.436.655.200	-
	1.545.188.434	-	1.436.655.200	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Ông Mai Hoài An	-	-	310.487	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	405.600.000	(405.600.000)	405.600.000	(405.600.000)
	405.600.000	(405.600.000)	405.910.487	(405.600.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

8 . NỢ XẤU

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	85.054.351.765	645.358.028	88.472.633.896	1.698.278.927
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	64.604.233.427	-	66.782.737.696	1.045.589.097
- Công ty Cổ phần Máy tính Hoàn Long	2.728.216.314	-	2.728.216.314	-
- Công ty TNHH Giáo dục Ngôi Sao	3.092.882.671	-	3.092.882.671	-
- Công ty Cổ phần 715	2.196.346.285	-	2.196.346.285	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Bằng Dương	3.896.814.588	-	3.896.814.588	-
- Các khoản khác	8.535.858.480	645.358.028	9.775.636.342	652.689.830
Trả trước cho người bán ngắn hạn	741.390.336	-	741.390.336	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quốc Việt	647.442.686	-	647.442.686	-
- Các khoản khác	93.947.650	-	93.947.650	-
Phải thu ngắn hạn khác	415.600.000	-	10.000.000	-
- Công ty cổ phần Intelnet	405.600.000	-	-	-
- Các khoản khác	10.000.000	-	10.000.000	-
	86.211.342.101	645.358.028	89.224.024.232	1.698.278.927

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	4.085.843.508	-	780.708.900	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.570.643.433	(1.581.249.255)	2.653.201.786	(1.575.454.130)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	60.064.285.811	(12.397.476.884)	44.327.956.672	(12.397.476.884)
Thành phẩm	284.900.215	(5.170.892)	137.618.963	(6.614.771)
Hàng hoá	18.591.790.251	(3.793.495.830)	17.307.299.705	(4.969.101.894)
	85.597.463.218	(17.777.392.861)	65.206.786.026	(18.948.647.679)

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ và đầu kỳ:

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
- Dự án Đầu tư Xây dựng Hạ tầng phòng máy tổng trạm tại Trung tâm kỹ thuật	13.875.493.797	10.538.869.518
- Dự án đường sắt IVU&VNR	10.232.234.179	10.340.743.271
- Dự án hệ thống thu phí không dừng ETC cho 13 Trạm thu phí - Giai đoạn 2	1.987.341.796	1.987.341.796
- Thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống thu phí ETC	7.054.539.501	6.259.484.605
- Thiết kế cung cấp thiết bị TTP - Dự án Diễn Châu Bãi Vọt F1/24	2.299.352.280	2.299.352.280
- Cung cấp phần mềm, nhân công lắp đặt thiết bị - ACV T2 Nội Bài	1.493.071.614	1.201.906.494
- Các dự án khác	23.122.252.644	11.700.258.708
	60.064.285.811	44.327.956.672

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	48.231.816.963	46.454.452.325	9.862.105.724	3.588.334.978	108.136.709.990
- Mua trong kỳ	-	-	1.330.149.455	156.909.917	1.487.059.372
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.048.447.182)	(118.069.000)	(3.166.516.182)
Số dư cuối kỳ	48.231.816.963	46.454.452.325	8.143.807.997	3.627.175.895	106.457.253.180
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	20.792.132.646	24.851.464.921	6.067.244.198	2.900.919.297	54.611.761.062
- Khấu hao trong kỳ	782.601.483	1.233.920.814	634.112.520	179.045.684	2.829.680.501
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.048.447.182)	(71.989.083)	(3.120.436.265)
Số dư cuối kỳ	21.574.734.129	26.085.385.735	3.652.909.536	3.007.975.898	54.321.005.298
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	27.439.684.317	21.602.987.404	3.794.861.526	687.415.681	53.524.948.928
Tại ngày cuối kỳ	26.657.082.834	20.369.066.590	4.490.898.461	619.199.997	52.136.247.882

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 302.586.479 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.446.098.453 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	24.053.529.245	2.442.485.261	26.496.014.506
- Mua trong kỳ	-	64.000.000	64.000.000
Số dư cuối kỳ	24.053.529.245	2.506.485.261	26.560.014.506
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	11.111.300.943	1.114.637.934	12.225.938.877
- Khấu hao trong kỳ	393.099.584	244.548.714	637.648.298
Số dư cuối kỳ	11.504.400.527	1.359.186.648	12.863.587.175
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	12.942.228.302	1.327.847.327	14.270.075.629
Tại ngày cuối kỳ	12.549.128.718	1.147.298.613	13.696.427.331

(*) Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 45 Lô A1, Đường 20, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh với diện tích 3.145 m², thời hạn thuê từ ngày 24/09/2012 đến ngày 23/09/2041 được sử dụng làm văn phòng Công ty và cho thuê.

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 564.128.911 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	398.937.187	248.298.470
- Chi phí du lịch	231.504.976	-
- Chi phí mua bảo hiểm	386.004.208	65.165.908
- Chi phí phần mềm	278.623.589	184.166.732
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	901.834.777	193.022.667
	2.196.904.737	690.653.777
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	968.194.877	987.822.419
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	1.040.886.922	829.336.129
- Chi phí phần mềm	26.775.000	53.550.000
- Chi phí trả trước dài hạn khác	55.349.368	95.779.170
	2.091.206.167	1.966.487.718

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

14 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

**Công ty Cổ phần
Tư vấn và Phát
triển Phần mềm
Larion**

VND

Nguyên giá

- Số dư đầu kỳ
- Số dư cuối kỳ

82.928.729.434

82.928.729.434

Giá trị hao mòn lũy kế

- Số dư đầu kỳ
- Số phân bổ trong kỳ
- Số dư cuối kỳ

18.658.964.122

4.146.436.472

22.805.400.594

Giá trị còn lại

- Tại ngày đầu kỳ
- Tại ngày cuối kỳ

64.269.765.312

60.123.328.840

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Erico Products Australia Pty Ltd	1.355.925.030	1.355.925.030	3.500.942.991	3.500.942.991
- Công ty Cổ phần Cảng Đông Xuyên	1.332.524.835	1.332.524.835	1.979.924.835	1.979.924.835
- Công ty TNHH Thiết bị điện Đỗ Gia	1.234.807.533	1.234.807.533	2.443.439.282	2.443.439.282
- Công ty Cổ phần Công nghệ VVT	996.140.283	996.140.283	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Năng Lượng	953.339.369	953.339.369	1.460.324.034	1.460.324.034
- Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Avocado	600.000.000	600.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Giao thông Đông Hải	531.520.000	531.520.000	531.520.000	531.520.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	-	-	4.706.962.826	4.706.962.826
- ABB Pte. Ltd.	-	-	3.455.595.000	3.455.595.000
- Công ty Cổ phần Vietstar Meiden	-	-	3.499.846.999	3.499.846.999
- Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Ngày mới	-	-	1.654.539.156	1.654.539.156
- Các đối tượng khác	14.770.808.528	14.770.808.528	22.821.794.730	22.821.794.730
	21.775.065.578	21.775.065.578	46.054.889.853	46.054.889.853

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
Bên khác		
- Cty Ivu Traffic Technologies Ag-TC T/H Gói thầu EPC cho DA"HHĐH TT Điều Hành VT Đường sắt - OCC" tại VN	681.455.732	681.455.732
- Công ty TNHH Saint-Gobain Việt Nam	900.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.788.600.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ điện lạnh R.E.E	1.423.473.000	-
- Ban Quản lý Dự án ODA - Đại học Đà Nẵng	6.394.466.522	8.961.213.580
- Các đối tượng khác	4.309.707.424	10.756.766.580
	15.497.702.678	20.399.435.892

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND
- Thuế giá trị gia tăng	18.677.216	2.956.996.711	4.789.953.930	7.364.564.670	9.038.322	372.747.077
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	905.941.000	909.231.651	3.290.651	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	90.557.054	10.967.828.797	4.217.938.603	10.995.414.341	99.077.861	4.198.873.866
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.200.116.308	7.995.406.311	8.002.237.088	-	1.193.285.531
- Các loại thuế khác	-	3	580.123.311	580.123.314	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	165.750	26.071.867	26.237.617	-	-
	109.234.270	15.125.107.569	18.515.435.022	27.877.808.681	111.406.834	5.764.906.474

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
- Chi phí thi công công trình	1.271.342.728	4.385.486.476
- Trích trước chi phí lãi vay	60.616.439	363.564.873
- Trích trước chi phí rủi ro hoàn thiện công việc	-	638.246.856
- Chi phí phải trả khác	1.131.007.903	1.045.482.283
	2.462.967.070	6.432.780.488

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	75.480.200	75.740.400
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	172.272.525	225.494.825
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	304.753.440	375.667.440
- Phải trả về thù lao Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán	115.000.000	153.500.000
- Phải trả tiền mượn các cá nhân	3.625.500.000	2.623.801.000
+ <i>Kế toán trưởng</i>	<i>3.100.000.000</i>	<i>1.887.101.000</i>
+ <i>Các cá nhân khác</i>	<i>525.500.000</i>	<i>736.700.000</i>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	874.159.310	622.883.367
	5.167.165.475	4.077.087.032
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	195.200.000	195.200.000
	195.200.000	195.200.000
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Kế toán trưởng	3.100.000.000	1.887.101.000
- Ông Nguyễn Hữu Tiến	-	16.326.000
- Ông Nguyễn Hữu Dũng	-	15.300.000
	3.100.000.000	1.918.727.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

20 . CÁC KHOẢN VAY NGÂN HÀNG

	01/04/2025		Trong kỳ		30/09/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	7.156.004.270	7.156.004.270	10.317.050.972	7.865.299.270	9.607.755.972	9.607.755.972
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng ⁽²⁾	92.700.688.414	92.700.688.414	41.958.712.213	121.139.551.175	13.519.849.452	13.519.849.452
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽³⁾	9.993.533.930	9.993.533.930	10.155.681.964	17.970.817.634	2.178.398.260	2.178.398.260
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	6.805.409.615	6.805.409.615	4.706.962.826	11.512.372.441	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	15.285.255.270	15.285.255.270	893.439.377	16.178.694.647	-	-
- Vay cá nhân ⁽⁴⁾	12.050.000.000	12.050.000.000	12.350.000.000	16.100.000.000	8.300.000.000	8.300.000.000
	143.990.891.499	143.990.891.499	80.381.847.352	190.766.735.167	33.606.003.684	33.606.003.684

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng số 20/95694/25-BL3/CTD ngày 14/03/2025 và các hợp đồng kèm theo, với các điều khoản chi tiết như sau:
- Hạn mức tín dụng: 11.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, phát hành bảo lãnh, mở L/C;
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - Thời hạn cho vay: Tối đa 09 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng Giấy nhận nợ;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay:
 - + Thế chấp tài sản là toàn bộ quyền tài sản bao gồm nhưng không giới hạn: Quyền đòi nợ, các khoản phải thu, quyền yêu cầu thanh toán khác; Quyền hưởng hoa lợi, lợi tức, lợi ích khác bằng tiền được hình thành từ hợp đồng; Quyền được bồi thường thiệt hại theo hợp đồng;
 - + Cầm cố tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trị giá 8.954.532.055 VND của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 192/95694/24-BL3/CC-SD01 ký ngày 14/03/2025;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 9.607.755.972 VND.
- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng theo Hợp đồng cấp tín dụng số PMH201912376151/HĐCTD ngày 22/04/2019 và Phụ lục số PMH201912376151/HĐCTD/PLHM-2877507 ngày 03/03/2025, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 240.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - Thời hạn cho vay: Tối đa 09 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay:
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Xe ô tô Ford Everest 7 chỗ với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại 30/09/2025 lần lượt là 1.156.790.909 VND và 854.204.430 VND.
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 13.519.849.452 VND;
- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số PMH202013021705/HĐCTD ngày 23/06/2020 và Phụ lục số PMH202013021705/HĐCTD/PLHM-2890758 ngày 12/03/2025, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động hoạt động kinh doanh chính;
 - Thời hạn của hợp đồng: đến ngày 12/03/2026;
 - Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 2.178.398.260 VND;
- (4) Vay của các cá nhân theo các hợp đồng vay tiền có thời hạn từ 06 tháng đến 1 năm, không có đảm bảo, lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,7%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh.
- Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
Tiền nhận trước về dịch vụ bảo trì	99.225.000	31.500.000
	99.225.000	31.500.000

22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	3.047.176.570	2.792.948.893
	3.047.176.570	2.792.948.893
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	5.256.557.819	5.397.766.422
- Dự phòng trợ cấp thôi việc	365.657.000	335.350.000
	5.622.214.819	5.733.116.422

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	245.335.910.000	4.100.100.000	(721.880.000)	8.839.165.907	102.671.828.566	360.225.124.473
Lãi/(Lỗ) trong kỳ trước	-	-	-	(2.437.371.690)	6.721.314.529	4.283.942.839
Chi trả cổ tức năm trước bằng tiền	-	-	-	-	(11.332.201.849)	(11.332.201.849)
Tạm ứng cổ tức kỳ trước bằng tiền	-	-	-	-	(3.893.656.707)	(3.893.656.707)
Số dư cuối kỳ trước	245.335.910.000	4.100.100.000	(721.880.000)	6.401.794.217	94.167.284.539	349.283.208.756
Số dư đầu kỳ này	245.335.910.000	4.100.100.000	(721.880.000)	54.017.663.634	106.911.097.339	409.642.890.973
Chia cổ tức bằng cổ phiếu tại công ty mẹ	17.114.040.000	-	-	(17.114.040.000)	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	4.240.344.242	12.771.123.024	17.011.467.266
Chi trả cổ tức các năm trước bằng tiền tại công ty con	-	-	-	-	(3.404.975.508)	(3.404.975.508)
Tạm ứng cổ tức năm nay bằng tiền tại công ty con	-	-	-	-	(4.435.337.857)	(4.435.337.857)
Đầu tư mua vốn góp trong năm	-	-	-	-	200.000.000	200.000.000
Tặng/Giảm do điều chỉnh lại tỷ lệ	-	-	-	1.451.912.592	(1.451.912.592)	-
Lỗ do mua lại phần vốn góp tại công ty con	-	-	-	(4.375.445.500)	(3.042.470.000)	(7.417.915.500)
Thù lao Ban quản trị năm 2024	-	-	-	(524.054.768)	(25.945.232)	(550.000.000)
Quyết toán Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước	-	-	-	(92.682.952)	23.702.820	(68.980.132)
Quyết toán Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay từ nguồn năm trước	-	-	-	(115.048.718)	-	(115.048.718)
Giảm khác	-	-	-	(324.480.000)	-	(324.480.000)
Số dư cuối kỳ này	262.449.950.000	4.100.100.000	(721.880.000)	37.164.168.530	107.545.281.994	410.537.620.524

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	245.335.910.000	245.335.910.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	17.114.040.000	-
- Vốn góp cuối kỳ	<u>262.449.950.000</u>	<u>245.335.910.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	225.494.825	144.156.175
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	7.840.313.365	15.225.858.556
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.404.975.508	11.332.201.849
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	4.435.337.857	3.893.656.707
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	7.893.535.665	15.144.519.906
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.458.197.808	11.332.201.849
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	4.435.337.857	3.812.318.057
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	<u>172.272.525</u>	<u>225.494.825</u>

c) Cổ phiếu

	30/09/2025	01/04/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.244.995	24.533.591
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.244.995	24.533.591
- Cổ phiếu phổ thông	26.244.995	24.533.591
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	72.188	72.188
- Cổ phiếu phổ thông	72.188	72.188
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.172.807	24.461.403
- Cổ phiếu phổ thông	26.172.807	24.461.403

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**a) Ngoại tệ các loại**

	30/09/2025	01/04/2025
- Đồng Đô la Mỹ (USD)	39.276,74	409.292,18
- Đồng Euro (EUR)	3.969,95	181,82
- Đô la Úc (AUD)	38.254,98	81.942,74

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Sóng truyền thông	85.500.000	85.500.000
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hoàng Phúc	45.000.000	45.000.000
- Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	7.658.500	7.658.500
- Khu Quản lý Đường bộ II	73.227.380	73.227.380
- Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ 494	40.000.000	40.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	113.400.281	113.400.281
- Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	2.310.000.000	2.310.000.000
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 - Công ty Cổ phần	366.026.993	366.026.993
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện Thạch Anh	25.722.297.673	25.722.297.673
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ gỗ MDF Long Việt	116.478.432	116.478.432
- Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Thuận Cường	129.614.730	129.614.730
- Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Thông tin Viễn Đạt	41.715.000	41.715.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Điều khiển và Tự động hóa Dầu khí Việt Nam (PV&I)	14.999.990	14.999.990
- Chi nhánh Xây dựng và Cơ điện Công trình - Tổng Công ty Viwaseen	92.100.487	92.100.487
- Công ty TNHH Cường Nguyễn	7.069.040	7.069.040
- Công ty TNHH Phát triển và Phân phối sản phẩm Âu Lạc	14.577.393	14.577.393
- Công ty TNHH Tự động hóa Eresson	51.498.748	51.498.748
- Công ty Cổ phần CT Sóng Thần	2.088.566	2.088.566
- Công ty TNHH Hanel CSF	2.094.339.437	2.094.339.437
- Công ty Cổ phần Siêu Liên Kết	4.039.200	4.039.200
- Ban quản lý các dự án, xây dựng Công trình, Văn hóa, Thể thao và Du lịch	518.880.000	518.880.000
- Pointsoft (M) Sdn Bhd	21.790.000	21.790.000
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ TDN	19.298.036	19.298.036
- Công ty Cổ phần Nahi	1.279.618.014	-
- Khác	678.793.053	678.793.053
	33.850.010.953	32.570.392.939

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	107.811.504.115	78.311.699.637
Doanh thu bán thành phẩm	529.717.000	1.507.837.205
Doanh thu cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	132.540.269.863	106.571.937.418
	240.881.490.978	186.391.474.260
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)	-	2.820.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	92.120.758.500	68.880.717.934
Giá vốn của thành phẩm đã bán	281.922.106	1.122.850.381
Giá vốn của dịch vụ và kỹ thuật đã cung cấp (Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	72.711.993.776 (246.635.007)	66.252.987.700 (51.244.948)
	164.868.039.375	136.205.311.067

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay	1.236.102.208	990.907.631
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.784.911	17.237.932
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	207.441.048
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	865.497.544	790.199.784
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	32.617.474	274.509.471
	2.146.002.137	2.280.295.866

Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)

- **215.943.365**

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.598.001.293	1.093.116.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	804.268.021	949.692.323
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	39.866.482	3.184.244
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	561.100.000
	2.442.135.796	2.607.093.184

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	341.000.765	313.625.464
Chi phí nhân công	19.264.978.999	15.133.361.922
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.638.023	181.738.093
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.682.294.750	3.978.289.094
Chi phí bán hàng khác	1.703.326.551	1.050.719.416
	25.073.239.088	20.657.733.989

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	485.807.681	504.980.572
Chi phí nhân công	21.298.284.681	15.521.169.780
Chi phí khấu hao tài sản cố định	790.587.651	590.161.397
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(1.085.743.218)	(2.583.654.670)
Thuế, phí, lệ phí	91.991.615	76.242.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.257.321.171	2.150.463.292
Phân bổ lợi thế thương mại	4.146.436.472	4.146.436.472
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.098.832.553	1.772.102.429
	30.083.518.606	22.177.902.088

31 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	936.472.728	7.545.455
Thu nhập từ cho thuê xe	116.666.666	116.666.666
Hoàn nhập chi phí phải trả	-	113.192.296
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	36.700.151	289.282.394
Thu nhập khác	131.559.064	322.370.732
	1.221.398.609	849.057.543

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	262.618.521	242.308.868
Chi phí khác	4.594.376	118.254.671
	267.212.897	360.563.539

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	310.073.570
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	4.217.938.603	2.850.699.560
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.217.938.603	3.160.773.130

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	135.238.118	142.978.211
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	135.238.118	142.978.211

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế TNDN hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	4.077.400.000	3.880.920.000
	4.077.400.000	3.880.920.000

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
- Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	305.400.000	89.400.000
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	13.801.493	13.801.493
- Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(6.061.400)	(261.122.900)
- Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(27.800.000)	(222.000.000)
	285.340.093	(379.921.407)

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.240.344.242	(2.437.371.690)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.240.344.242	(2.437.371.690)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	26.172.807	26.172.807
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	162	(93)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	39.635.670.995	15.406.882.273
Chi phí nhân công	88.485.264.090	76.560.125.038
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.467.328.799	7.656.417.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.302.932.285	30.794.881.296
Chi phí khác bằng tiền	10.110.027.334	4.848.684.759
	167.001.223.503	135.266.990.619

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/09/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.367.136.637	-	-	56.367.136.637
Phải thu khách hàng, phải thu khác	197.377.966.300	1.545.188.434	-	198.923.154.734
Các khoản cho vay	24.443.691.370	100.000.000	-	24.543.691.370
	278.188.794.307	1.645.188.434	-	279.833.982.741
Tại ngày 01/04/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.132.286.354	-	-	62.132.286.354
Phải thu khách hàng, phải thu khác	360.785.424.707	1.436.655.200	-	362.222.079.907
Các khoản cho vay	31.420.032.014	100.000.000	-	31.520.032.014
	454.337.743.075	1.536.655.200	-	455.874.398.275

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/09/2025				
Vay và nợ	33.606.003.684	-	-	33.606.003.684
Phải trả người bán, phải trả khác	26.942.231.053	195.200.000	-	27.137.431.053
Chi phí phải trả	2.462.967.070	-	-	2.462.967.070
	63.011.201.807	195.200.000	-	63.206.401.807
Tại ngày 01/04/2025				
Vay và nợ	143.990.891.499	-	-	143.990.891.499
Phải trả người bán, phải trả khác	50.131.976.885	195.200.000	-	50.327.176.885
Chi phí phải trả	6.432.780.488	-	-	6.432.780.488
	200.555.648.872	195.200.000	-	200.750.848.872

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**38 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	80.381.847.352	53.916.352.244
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	190.766.735.167	88.289.958.183

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

39 . THÔNG TIN KHÁC**a) Thông tin về việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 26/06/2025, Công ty thông qua phương án phát hành như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ ITD;
- Mã cổ phiếu: ITD;
- Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu;
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Công nghệ ITD có tên trong danh sách người sở hữu cổ phiếu của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu;
- Phương thức chào bán: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua;
- Giá chào bán và nguyên tắc xác định giá chào bán: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định nhưng không thấp hơn mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 7.852.110 cổ phiếu;
- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá: 78.521.100.000 VND;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:03. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 10 quyền mua sẽ được mua 03 cổ phiếu phát hành thêm;
- Các hạn chế liên quan đến việc hạn chế chuyển nhượng:
 - + Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng;
 - + Trường hợp Công ty thực hiện phân phối cổ phiếu chưa chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua cho các nhà đầu tư có nhu cầu thì số cổ phiếu chào bán nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán;

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được cân đối sử dụng cho các mục đích sau:

- + Tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu: 30.000.000.000 VND;
- + Góp vốn thành lập/Tăng vốn Điều lệ Công ty Cổ phần ITD Global : 48.521.100.000 VND;
- Thời gian thực hiện: Trong năm tài chính 2025 (trước ngày 31/03/2026), ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở phù hợp với chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường.

b) Thông tin về vụ kiện với Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC

Vào ngày 30/10/2022, Công ty đã gửi đến Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC ("VETC") thanh toán các khoản nợ quá hạn với số tiền 61.425.222.328 VND và tiền lãi tạm tính là 23.339.041.056 VND (tổng số tiền phải trả là 84.764.263.384 VND).

Tại phiên xử ngày 07/09/2023, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã ban hành Bản án số 78/2023/KDTM-ST về việc tranh chấp phát sinh từ hợp đồng cung ứng thiết bị, theo đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty. Buộc VETC phải trả cho Công ty tổng số tiền là 91.722.815.487 VND (trong đó 61.425.222.328 VND là số tiền nợ gốc còn phải trả và 30.297.593.160 VND là số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 07/09/2023).

Vào ngày 14/09/2023, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã nhận được đơn kháng cáo của VETC về bản án trên.

Tại phiên xử ngày 11/04/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Bản án phúc thẩm số 82/2024/KDTM-PT về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Theo đó, chấp nhận một phần kháng cáo của VETC, số tiền VETC phải trả cho Công ty giảm xuống còn 90.668.441.912 VND (trong đó số tiền nợ gốc còn phải trả là 59.925.222.327 VND, số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 07/09/2023 là 30.743.219.585 VND).

Đến nay Công ty đã thu hồi 3.995.190.371 VND liên quan đến khoản nợ đã được trích lập dự phòng. Do đó, tại thời điểm cuối kỳ kế toán, Ban Tổng Giám đốc quyết định giảm số đã trích lập dự phòng đối với nợ còn phải thu của VETC với số tiền là 1.132.915.172 VND.

40 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

41 .NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Công ty con đã giải thể trong kỳ trước
Công ty Cổ phần Intelnet	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Nam Minh	Cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion - Công ty con của Công ty
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Phó chủ tịch HĐQT

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	2.820.000
- Công ty Cổ phần Intelnet	-	2.820.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	207.441.048
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	-	207.441.048
Lãi cho vay	-	8.502.317
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Nam Minh	-	8.502.317
Thu lại tiền cho mượn	-	1.498.645.789
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Nam Minh	-	1.498.645.789

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

Chức vụ		Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		3.253.639.320	1.814.477.522
- Ông Mai Hoài An	Chủ tịch HĐQT	682.736.636	30.900.000
- Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT	67.787.765	30.900.000
- Ông Nguyễn Ngọc Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.267.787.765	30.900.000
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 26/06/2025)	56.001.689	817.894.985
- Ông Đinh Thế Hiền	Thành viên HĐQT	63.859.073	-
- Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ 26/06/2025)	56.001.689	15.600.000
- Bà Đỗ Thị Thu Hà	Giám đốc Kiểm soát nội bộ, thành viên Ban kiểm soát	708.035.250	343.912.500
- Bà Trần Thị Thu Tâm	Thành viên ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ 26/06/2025)	40.286.921	18.900.000
- Ông Nguyễn Minh Hoàn	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ 05/09/2025)	34.181.818	-
- Bà Vũ Thị Nữ	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ 05/09/2025)	276.960.714	-
- Bà Trương Thị Phương Dung	(2)	-	331.370.037
- Ông Lâm Thiếu Quân	(1)	-	75.600.000
- Bà Doãn Thị Bích Ngọc	(1)	-	45.600.000
- Ông Đinh Hoài Châu	(1)	-	36.300.000
- Ông Trần Bằng Việt	(1)	-	36.600.000

(1) Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm trong kỳ trước

(2) Kế toán trưởng miễn nhiệm trong kỳ trước

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024.

Người lập

Vũ Thị Nữ

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Hoàn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Trung